

# CẢI TIẾN GIẢNG DẠY ĐA PHƯƠNG THỨC Ở CÁC LỚP TIẾNG ANH TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG: THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN

TRẦN THỊ NHẬT THANH

Khoa Sư phạm và Khoa học cơ bản, Trường Đại học Tiền Giang

Ngày nhận bài: 16/02/2022; Ngày phân biên, biên tập và sửa chữa: 28/02/2022; Ngày duyệt đăng: 07/03/2022

## ABSTRACT

*The application of Information and Communication Technology to English teaching has been making teaching and learning more lively and attractive to learners. Realising that students are young generation who are dynamic, tech-savvy, eager to learn and creative, the author wants to encourage those good qualities and improve students' autonomous ability. With the lecturer guidance, combining 5 forms of multi-modal teaching including visual text combination, social writing, presentation, Facebook discussion and class debate, students approach rational thinking, develop presentation skills, and form critical thinking through writing activities and speaking practice. When applying multi-modal teaching method at Tien Giang University, the advantages and difficulties encountered would be shared to promote the pros and overcome the cons of this method in order to achieve optimal results in the teaching process.*

*Keywords: Multi-modal teaching, advantage, disadvantage*

## A. MỞ ĐẦU

Công nghệ thông tin và truyền thông được sử dụng rộng rãi ở các lớp học tiếng Anh của trường Đại học Tiền Giang. Nhờ kỹ thuật số cùng các lớp học được trang bị tốt, những tài nguyên đa phương thức được cung cấp như những công cụ mới nhằm hỗ trợ việc dạy và học tiếng Anh. Điều này đã thay đổi tích cực phương thức giảng dạy tiếng Anh cũng như giúp sinh viên phát triển phong cách học chủ động và hiệu quả. Phương pháp giảng dạy đa phương thức được kỳ vọng giúp các bài học vui vẻ, sôi động hơn đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình học tập của sinh viên. Dựa trên những chuyển biến từ đầu năm 2022 về tình hình dịch bệnh SARS-CoV-2, việc giảng dạy đa phương thức ngày càng được đẩy mạnh.

## B. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### I. GÓC NHÌN VIỆC GIẢNG DẠY ĐA PHƯƠNG THỨC Ở QUỐC TẾ

Theo nhóm tác giả Bezemer và Jewett (2010), Bowcher (2012), giảng dạy đa phương thức gồm các phương thức giao tiếp khác nhau như ngôn ngữ, hình ảnh, biểu đồ, âm thanh, bài hát và cử chỉ mang ý nghĩa. Các phương thức giao tiếp này là các nguồn ký hiệu đa dạng đảm bảo ý nghĩa được tạo ra thông qua sự kết hợp với các phương tiện truyền thông. Các tác giả cũng đề cập đến một số "hệ thống tài nguyên ký hiệu học riêng biệt được đưa vào ngữ cảnh để tạo ra một ý nghĩa cụ thể cho văn bản". Tác giả Kress (2010) bổ sung: "Mỗi ký hiệu thực hiện một công việc cụ thể: hình ảnh giúp hiển thị những nội dung khi tiếp cận bằng phương pháp đọc phải tốn rất nhiều thời gian và màu sắc được sử dụng để làm nổi bật các khía cạnh cụ thể của một thông điệp tổng thể".

Bên cạnh đó, theo Bull và Anstey (2010), một văn bản được định nghĩa là đa phương thức khi văn bản đó có sự kết hợp của hai hoặc nhiều hệ thống trong số năm hệ thống ký hiệu học cả thảy:

- Ngôn ngữ học: từ vựng, cấu trúc chung và ngữ pháp của ngôn ngữ nói và viết
- Trực quan: màu sắc, vector và điểm nhìn trong hình ảnh tĩnh và động
- Âm thanh: âm lượng, cao độ và nhịp điệu của âm nhạc và hiệu ứng âm thanh
- Cử chỉ: chuyển động, tốc độ và sự tĩnh lặng của nét mặt và ngôn ngữ cơ thể

- Không gian: khoảng cách gần, hướng, vị trí bố trí và tổ chức của các đối tượng trong không gian

Hai tác giả này còn nêu ví dụ về sách ảnh thời kỳ hậu hiện đại, website và các buổi biểu diễn trực tiếp được xem là văn bản đa phương thức. Ở phương diện này, một sự giải thích về giảng dạy đa phương thức đã được đề xuất bởi Makaruk (2018): "Các thành phần của giảng dạy đa phương thức bao gồm một số lượng lớn tài nguyên đã được chia thành một số nhóm như: hiệu ứng đồ họa bổ sung, phông chữ và màu sắc, các yếu tố mang tính biểu tượng (hình ảnh) và đồ họa thông tin".

Ngoài ra, Walsh (2017) khẳng định các văn bản mở rộng sử dụng nhiều hơn một phương thức để diễn đạt ý nghĩa có thể rất hữu ích giúp sinh viên làm quen với các khía cạnh văn hóa ở lớp, nhờ đó, tư duy phản biện của sinh viên cũng được cải thiện. Qua việc phân tích các đặc điểm rõ ràng và tiềm ẩn của văn bản trực quan, sinh viên rèn luyện năm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và tương tác được tích hợp trên các văn bản này. Simpson từng kết hợp với Walsh (2010) đề xuất phương pháp giảng dạy đa phương thức nên được thúc đẩy để học sinh thiết lập mối liên hệ giữa những gì diễn ra ở lớp và đời sống. Bằng cách này, học sinh được tạo động lực để học thông qua nhiều nguồn tài liệu thực tế được sử dụng trong lớp học. Kress (2010) và Unsworth (2010) cũng nhấn mạnh khả năng thu hút sự chú ý của hình ảnh và khẳng định môi trường học tập đa phương thức làm cho quá trình dạy-học trở nên sáng tạo và chủ động, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình học tập của học sinh. Họ trình bày rằng việc học tập tự chủ kết hợp với các nguồn tài nguyên đa phương thức khác nhau giúp học sinh có ý thức về các chiến lược khác nhau có thể được sử dụng để cải thiện các kỹ năng học tập. Họ tin rằng một quá trình dạy-học hiệu quả được tạo ra khi giáo viên và học sinh cùng chia sẻ trách nhiệm với nhau.

### II. NGHIÊN CỨU VIỆC GIẢNG DẠY ĐA PHƯƠNG THỨC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG

Nghiên cứu được thực hiện ở 2 lớp học phần English 4 với sự tham gia của 70 sinh viên. Giáo trình sử dụng là Solutions (tái bản lần 2, dành cho trình độ tiền trung cấp). Học phần English 4 gồm bốn tiết một tuần. Sinh viên học tổng cộng 15 tuần ở lớp cộng thêm 120 giờ tự học. Trong suốt thời gian nghiên cứu, sinh viên làm việc cá nhân, theo cặp và nhóm cả trong và ngoài lớp. Hai hoạt động viết và nói sẽ được tập trung khai thác trong nghiên cứu này.

Bước đầu ứng dụng phương pháp giảng dạy đa phương thức vào hoạt động viết, sinh viên đọc văn bản trực quan do giảng viên chuẩn bị sẵn. Văn bản đa phương thức này là các video được chọn lọc từ Internet có nội dung liên quan với bài học của sinh viên. Sau đó, sinh viên có cơ hội so sánh văn bản đó và văn bản mẫu trong giáo trình. Mục đích là để nhận diện các ngôn ngữ được sử dụng khác nhau ở hai văn bản viết và nói. Hoạt động này thu hút sự chú ý của sinh viên và truyền cảm hứng tranh luận rất nhiều. Sau khi thảo luận nhóm, sinh viên có thể sắp xếp các ý tưởng của mình để viết phần mở đầu, thân bài và kết luận một cách hợp lý. Vào cuối học kỳ, sinh viên phải viết một bài luận mang tính xã hội như là: lối sống lành mạnh, biến đổi khí hậu hoặc hiện tượng tội phạm với vốn từ vựng và quan điểm kinh nghiệm của sinh viên được rút ra từ các hoạt động làm việc nhóm trước đó.

Một ví dụ khác về việc ứng dụng phương pháp giảng dạy đa phương thức vào hoạt động nói được mô tả như sau: Sinh viên có thể tự do chọn một chủ đề yêu thích từ danh sách gợi ý của giảng viên. Dựa trên sự hướng dẫn, sinh viên chuẩn bị một bài thuyết trình trong vòng năm phút bằng cách sử dụng các nguồn tài nguyên đa phương thức. Sinh viên có thể thuyết trình cá nhân, theo cặp hoặc theo nhóm. Sinh viên được khuyến khích kết nối nội dung bài học với thực tế cuộc sống để bản thân dễ dàng rèn luyện năm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và tương tác. Trước mỗi bài thuyết trình, sinh viên có hai tuần để thảo luận về một chủ đề trên Facebook. Điều này giúp sinh viên sẵn sàng và tự tin với cuộc thảo luận ở lớp. Buổi tranh luận giúp sinh viên học hỏi lẫn nhau, phát huy khả năng sáng tạo của bản thân cũng như rèn luyện kỹ năng quản lý lớp học. Giảng viên cuối cùng đưa ra phản hồi về các buổi thuyết trình. Đây là hoạt động tích hợp hai kỹ năng nói và viết một cách hiệu quả, hình thành thói quen làm việc nhóm đồng thời ứng dụng công nghệ trong quá trình dạy - học.

### 1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu định tính được sử dụng vì đây là phương pháp cho thấy sự "hiểu biết về tình trạng con người trong các bối cảnh khác nhau...Nghiên cứu định tính nhấn mạnh bản chất được xây dựng về mặt xã hội của thực tế, mối quan hệ mật thiết giữa nhà nghiên cứu và những gì được nghiên cứu, và các ràng buộc tình huống hình thành việc xem xét" (Bengtsson, 2016).

Kết hợp với nghiên cứu định tính, 70 phiếu khảo sát với ba câu hỏi gợi mở được phát cho mỗi sinh viên vào tuần thứ mười bốn. Công cụ này được cho là có "khả năng phát hiện các câu trả lời các cá nhân đưa ra một cách tự nhiên và do đó tránh được sự thiên vị có thể dẫn đến việc đề xuất các câu trả lời của các cá nhân" (Yukina, 2017).

Nghiên cứu định tính kết hợp với phiếu khảo sát nhằm thu thập nhận xét của sinh viên về phương pháp giảng dạy đa phương thức: ứng dụng đa phương thức nào trong số 5 ứng dụng (văn bản trực quan, bài văn mang tính xã hội, thuyết trình, thảo luận qua Facebook và tranh luận ở lớp) sinh viên ấn tượng nhất, cũng như ghi nhận những phản hồi khác của sinh viên trong suốt đợt nghiên cứu.

### 2. Kết quả thu được

- Hơn 2/3 sinh viên (74,3%) đã quen với quá trình dạy-học đa phương thức. Nhận thức tích cực của sinh viên được ghi nhận ở phiếu khảo sát như sau:

"Hoạt động đa phương thức ban đầu kích thích sự tò mò của chúng em, sau đó, chúng em học hỏi lẫn nhau thông qua hoạt động nhóm"

"Em không còn cảm thấy việc hoàn thành một bài viết đôi khi rất nhàm chán"

"Em ấn tượng với cách giảng viên đã thay đổi cách chúng em học viết, thực sự rất hấp dẫn"

"Em thích hoạt động thuyết trình nhóm vì với bản tính nhút nhát em thường im lặng trong các tiết luyện kỹ năng nói"

-Tác giả Nhan và các cộng sự (2018) từng nhấn mạnh vai trò xây dựng và nâng cao tư duy phản biện của học sinh khi áp dụng phương pháp giảng dạy đa phương thức. Khi thu thập dữ liệu, một số ý tưởng của sinh viên trùng khớp với ý kiến này cũng được ghi nhận:

"Việc giải câu đố ghép câu giúp chúng em sắp xếp lại các văn bản viết theo trình tự thời gian"

"Em dễ dàng ghi nhớ các nội dung trong một khoảng thời gian nhất định nhờ các câu hỏi gợi mở của giảng viên"

"Em thích làm việc theo cặp và theo nhóm. Những hoạt động này giúp em thoải mái và tự tin hơn. Thậm chí bây giờ em có thể tự tin chia sẻ quan điểm của mình"

-Trong số năm ứng dụng đa phương thức, "tranh luận ở lớp" được sinh viên yêu thích nhất (88,6%), tiếp theo là "kết hợp văn bản trực quan" (82,9%). "Thảo luận qua Facebook" và "thuyết trình" ghi nhận sự chênh lệch không đáng kể với 74,3% và 71,4%. Tuy nhiên, chỉ có dưới 50% sinh viên hào hứng với hoạt động "viết bài văn mang tính xã hội" (45,7%). Với bộ phận sinh viên này, yêu cầu nêu dẫn chứng thực tế gây khó khăn cho sinh viên khi phải tìm hiểu thông tin đời sống cũng như việc thiếu kinh nghiệm sống là nguyên nhân chính khiến sinh viên ngại nêu ý kiến cá nhân (63,6%).

Nghiên cứu hoạt động nói, bài thuyết trình power point ở lớp của sinh viên là một dạng bài tập đa phương thức không những thể hiện khả năng sử dụng công nghệ của sinh viên mà còn cho thấy năng lực của sinh viên trong việc kết hợp các phương thức khác nhau để trình bày những kiến thức đạt được. Tất cả sinh viên đều nộp sản phẩm powerpoint của mình trong khi chỉ hơn hai phần ba (68,6%) thuyết trình với tư cách cá nhân, theo cặp hoặc theo nhóm. Một sự công nhận đáng kể là hầu hết các sản phẩm (84,3%) đều gây ấn tượng và vượt quá sự mong đợi của giảng viên. Dưới đây là những ý kiến tích cực của sinh viên được ghi lại:

"Em dễ dàng trình bày các ý tưởng của mình qua powerpoint. Việc này tốn nhiều thời gian chuẩn bị nhưng giúp em khắc sâu bài học hơn"

"Những suy nghĩ cá nhân của em được trình bày sinh động và đẹp mắt nhờ công cụ power point"

"Kỹ năng chọn lọc thông tin của em được nâng cao suốt quá trình tìm kiếm thông tin trên mạng"

"Việc dành thời gian để sắp xếp ý tưởng, lựa chọn hình ảnh và hiển thị các mục lên slide với em là một công việc sáng tạo"

Tuy nhiên, cũng có một số ít sinh viên gặp khó khăn (14,3%) khi phải thuyết trình trước lớp kể cả về chủ đề xã hội yêu thích do sinh viên tự chọn.

Ngoài ra, sự tương tác và tranh luận mang lại cho sinh viên cơ hội để giải quyết những xung đột nhất định trong lớp. Giải quyết vấn đề và thương lượng cùng nhau là những kỹ năng quan trọng và rất hữu ích không chỉ trong thị trường lao động sau này mà còn trong cuộc sống tương lai. Việc phân tích hình ảnh rực rỡ, lựa chọn âm nhạc phù hợp phản ánh góc nhìn thông minh của sinh viên, giúp sinh viên phát triển chủ đề và sự đa dạng của các ứng dụng đa phương thức.

-Nhìn chung, tất cả năm hoạt động đa phương thức đều thúc đẩy giao tiếp, vốn là một kỹ năng cần thiết khi học tiếng Anh. Số lượng sinh viên tham gia vào nhóm Facebook tăng dần lên 74,3% trong suốt thời gian tiến hành nghiên cứu. Sinh viên phản hồi hoạt động này giúp kết nối bạn bè, khuyến khích việc chia sẻ ý kiến, thúc đẩy hoạt động thảo luận cũng như rèn luyện năm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và tương tác.

-Một kết quả tuyệt vời được ghi nhận là một bộ phận sinh viên (27.1%) đề nghị được diễn xuất để thể hiện bài học. Điều này khẳng định hiệu quả của quá trình học tập.

### 3. Thảo luận

Dựa trên kết quả nghiên cứu, bốn khuyến nghị được đưa ra như sau:

*Đầu tiên*, kỹ năng sư phạm và giám sát của giáo viên đóng vai trò quan trọng. Với mục tiêu lấy người học là trung tâm, giáo viên cần xem xét kỹ càng năng lực của người học để đưa ra các hoạt động lớp học phù hợp và đa dạng. Trong quá trình học, giáo viên cần phân công và giám sát chặt chẽ hoạt động làm việc nhóm, đặc biệt là sự hợp tác giữa nhóm trưởng và tất cả thành viên trong nhóm với nhau.

*Thứ hai*, việc “không để học sinh nào bị bỏ lại phía sau” cần được tuân thủ. Nhìn chung, khoảng cách giữa các học sinh giỏi và yếu kém bộc lộ rõ ràng. Những học sinh nổi trội hơn có thể chiếm ưu thế trong nhóm hoặc thậm chí hoàn thành công việc một mình khi những học sinh yếu cảm thấy tuyệt vọng. Đó là lý do tại sao các nhiệm vụ nên được giáo viên giải thích rõ ràng từ đầu với phân công nhiệm vụ phải được nhóm ghi nhận cụ thể. Giáo viên cũng cần khuyến khích mỗi học sinh làm việc theo cặp hoặc nhóm một cách công bằng và hài hòa.

*Thứ ba*, các bài tập diễn xuất nên được đề xuất dưới nhiều hình thức sau các phần khác nhau của bài học như thực hiện các đoạn hội thoại, đoạn văn và bài thuyết trình. Học sinh nhút nhát phải được hỗ trợ để tham gia hoạt động ngày càng tích cực hơn. Đôi khi, giáo viên và các học sinh giỏi có thể quan sát và đóng góp vào các buổi diễn tập để cùng cổ phần trình diễn thực sự.

Cuối cùng, phiếu khảo sát nên được thu thập để nhận phản hồi của học sinh và tạo ra những đổi mới phù hợp ngay lập tức. Phiếu khảo sát không chỉ khái quát toàn bộ quá trình mà còn thúc đẩy sự thích nghi cao hơn và giúp hạn chế những điểm yếu của việc tập luyện không phù hợp.

### C. KẾT LUẬN

Các lớp học sử dụng phương pháp giảng dạy đa phương thức giúp bài học trở nên thú vị và sinh viên năng động, hào hứng tham gia các hoạt động ở lớp và hoạt động thực tế. Sinh viên học được cách đưa ra quyết định từ việc chọn chủ đề yêu thích, tự do thể hiện bản thân và tự tin trình bày ý tưởng của mình. Văn bản trực quan, bài văn mang tính xã hội, cơ hội thuyết trình, thảo luận qua Facebook và tranh luận ở lớp gia tăng sự tương tác không những giữa sinh viên với nhau mà còn giữa sinh viên với giảng viên. Suy luận logic, tư duy phản biện, khả năng khám phá cuộc sống thực tế và tính sáng tạo được hình thành và phát huy đã mang lại cảm hứng học tập, động lực và sự cải thiện kết quả học tập của sinh viên. Cuối cùng, sinh viên đạt được năng lực ngôn ngữ bên cạnh nội dung học tập. Để đạt được mục tiêu đề ra, sự hỗ trợ kịp thời từ phía giảng viên là yếu tố then chốt.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bengtsson, M. (2016). How to plan and perform a qualitative study using content analysis. *NursingPlus Open*, 2, 8-14.
- [2] Bezemer, J. & Jewett, C. (2010), *Research methods in linguistics*. London: Continuum.
- [3] Bowcher, W. L. (Ed.) (2012), *Multimodal texts from around the world: Cultural and linguistic insights*. London: Palgrave.
- [4] Bull, G. & Anstey, M. (2010), *Evolving pedagogies: reading and writing in a multimodal world*. Education Services Australia, Melbourne.
- [5] Kress, G. (2010), *Multimodality: A social semiotic approach to contemporary communication*. London: Routledge.

## VAI TRÒ CỦA HOẠT ĐỘNG...

(Tiếp theo trang 57)

và hình thức đa dạng, phong phú sẽ là phương thức để thực hiện nguyên lý giáo dục của Đảng: Học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội.

HĐNK là một mô hình hoạt động rất hữu ích. Sau những giờ học tập căng thẳng trên lớp, thời gian dành cho những HĐNK giúp người học chủ động tham gia, vui vẻ xả stress, nâng cao được kỹ năng sống; tham gia những HĐNK, người học còn có điều kiện gần gũi nhau hơn, chia sẻ với nhau những kiến thức mà mình đã học tập được, rèn luyện bản lĩnh tuổi trẻ, tính tự lập, lòng dũng cảm, sự nhanh nhẹn tháo vát và tinh thần tương thân tương ái trong quan hệ cộng đồng, bạn bè. Ngoại khóa cũng là một loại hình hoạt động giáo dục đào tạo nằm trong những phạm vi quy phạm giáo dục của Nhà trường. Đó những hoạt động ngoài thời gian trên lớp, có hoặc không có sự chỉ đạo hay hướng dẫn của giáo viên, đối tượng tham gia chính là người học; có nội dung liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến môi trường dạy và học mang tính giáo dục cao.

Tại trường Sĩ quan Chính trị hiện nay, thông qua các HĐNK, học viên không còn học chay, học thụ động nữa mà họ còn trực tiếp được tìm hiểu các vấn đề mà giáo trình học chính khóa đã hoặc không đề cập đến, những vấn đề mà giảng viên không có đủ điều kiện để truyền thụ cho các họ trong giờ học chính khóa. Qua HĐNK, học viên có thể tham gia rất nhiều các hình thức và mô hình hoạt động phù hợp với niềm đam mê và năng khiếu của mình để củng cố, mở rộng kiến thức và phát triển năng lực cũng như kỹ năng cần thiết của mình, qua đó góp phần hình thành, rèn luyện và phát triển các kỹ năng cơ bản của người cán bộ chính trị cho học viên như: kỹ năng thuyết trình, tổ chức và làm việc nhóm, khả năng tư duy sáng tạo, khả năng tự quản, tự học, tự bồi dưỡng, giao tiếp, ứng xử có văn hoá, kỹ năng giao lưu, hoạt động xã hội, hoạt động tập thể, kỹ năng tiếp cận, kỹ năng thiết kế, điều khiển, kiểm tra và đánh giá chương trình hoạt động... đây là những kỹ năng rất cần thiết để không ngừng nâng cao trình độ, tay nghề cho học viên, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ chính trị viên.

HĐNK thực chất là sự tiếp nối hoạt động chính khóa trên lớp, là con đường gắn lý thuyết với thực tiễn, tạo nên sự thống nhất giữa nhận thức với hành động, tạo cơ hội cho học sinh rèn luyện thói quen sống trong cộng đồng và phát huy tối đa năng lực, sở thích của từng cá nhân.

Hoạt động chính khóa và hoạt động ngoại khóa rất cần thiết trong hoạt động dạy học nói tại các cơ sở giáo dục nói chung. Trường Sĩ quan Chính trị nói riêng. Mỗi hoạt động đều có vai trò riêng, song chúng có mối quan hệ gắn bó mật thiết bổ sung cho nhau, trong đó hoạt động chính khóa là tiền đề cơ sở, là nền tảng; hoạt động ngoại khóa là đòn bẩy, là điều kiện. Do đó, nếu biết vận dụng, phối hợp đồng bộ, sáng tạo các hoạt động thì sẽ giúp cho công tác dạy và học đạt được hiệu quả giáo dục như mong muốn, góp phần tích cực nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của Nhà trường.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- (1) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- (2) Hoàng Phê (2009), Từ điển Tiếng Việt. Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- (3) Ngô Xuân Trường (2014), Nâng cao chất lượng hoạt động ngoại khóa của học viên đào tạo giáo viên khoa học xã hội và nhân văn ở Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay, đề tài khoa học cấp Trường, Bắc Ninh.